UBND phường Hoài Hảo Biểu số 114/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG

Quý 1 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	**16.780.000.000**	**15.793.000.000**	**6.282.105.167**	**4.552.274.922**	**37,44**	**28,82**
I. Các khoản thu 100%	**360.000.000**	**360.000.000**	**894.205.000**	**894.205.000**	**248,39**	**248,39**
- Phí, lệ phí	60.000.000	60.000.000	12.347.000	12.347.000	20,58	20,58
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		200.000.000	866.058.000	866.058.000		433,03
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			13.200.000	13.200.000		
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định			400.000	400.000		
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	300.000.000	100.000.000	2.200.000	2.200.000	0,73	2,2
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	**12.377.000.000**	**11.390.000.000**	**2.062.905.632**	**333.075.387**	**16,67**	**2,92**
1. Các khoản thu phân chia	572.000.000	572.000.000	147.663.836	141.663.836	25,82	24,77
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	57.000.000	57.000.000	92.700	92.700	0,16	0,16
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	105.000.000	105.000.000	99.150.000	93.150.000	94,43	88,71
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	410.000.000	410.000.000	48.421.136	48.421.136	11,81	11,81
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	8.805.000.000	818.000.000	1.915.241.796	191.411.551	21,75	23,4
- Thuế giá trị gia tăng	8.176.000.000	818.000.000	1.273.047.680	127.304.784	15,57	15,56
- Thuế TNDN			641.067.640	64.106.767		
- Thuế thu nhập cá nhân	629.000.000		1.126.476		0,18	
3. Tiền sử dụng đất	3.000.000.000	10.000.000.000				
- Thuế tiêu thụ đặt biệt	30.000.000					
- Thuế tài nguyên	143.000.000					
IV. Thu chuyển nguồn			**1.297.642.895**	**1.297.642.895**		
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**4.043.000.000**	**4.043.000.000**	**2.027.351.640**	**2.027.351.640**	**50,14**	**50,14**
1. Bổ sung cân đối ngân sách	3.526.000.000	3.526.000.000	881.250.000	881.250.000	24,99	24,99
2. Bổ sung có mục tiêu	517.000.000	517.000.000	1.146.101.640	1.146.101.640	221,68	221,68